STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	TBDH bộ môn Vật lý ở trường THCS						TBDH bộ môn Vật lý ở trường THPT						TBDH bộ môn Địa lý ở trường THCS						TBDH bộ môn Địa lý ở trường THPT					
								TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ
							2						3						2						3					
22	TVTH1.24	Tào Thị	Hằng	01.10.1983	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	4.0	4.9	1	D	3	7.0	6.5	6.7	2	C	2	9.0	6.5	7.3	3	B	3	9.0	7.5	8.0	3	B
23	TVTH1.25	Nguyễn Thúy	Hằng	07.08.1983	Nữ	Thanh Hóa	2	8.5	6.5	7.1	3	B	3	7.0	6.0	6.3	2	C	2	8.5	8.5	8.5	4	A	3	8.5	8.0	8.2	3	B
24	TVTH1.26	Hoàng Thị	Hảo	06.10.1982	Nữ	Thanh Hóa	2	9.0	7.0	7.6	3	B	3	8.5	6.0	6.8	2	C	2	7.5	8.0	7.9	3	B	3	7.0	7.5	7.4	3	B
25	TVTH1.27	Nguyễn Thị	Hiền	02.03.1986	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	7.0	6.5	6.7	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.5	7.0	7.2	3	B
26	TVTH1.28	Lê Thị	Hiệp	10.10.1984	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	7.0	4.5	5.3	1	D	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.5	6.5	7.1	3	B
27	TVTH1.29	Nguyễn Thị	Hiếu	11.09.1990	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	5.5	6.0	2	C	3	7.5	6.0	6.5	2	C	2	9.0	8.0	8.3	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B
28	TVTH1.30	Nguyễn Thị	Hoa	10.05.1984	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	5.0	5.6	2	C	3	7.5	4.5	5.4	1	D	2	9.0	7.0	7.6	3	B	3	8.5	7.5	7.8	3	B
29	TVTH1.31	Phạm Thị	Hoài	20.06.1987	Nữ	Thanh Hóa	2	6.5	6.0	6.2	2	C	3	6.5	5.5	5.8	2	C	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B
30	TVTH1.32	Lê Thị	Hoàng	12.08.1987	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	7.0	5.0	5.6	2	C	2	8.5	7.0	7.5	3	B	3	8.5	6.5	7.1	3	B
31	TVTH1.33	Lê Thị	Hồng	31.01.1988	Nữ	Thanh Hóa	2	6.0	6.0	6.0	2	C	3	6.5	7.0	6.9	2	C	2	8.0	9.0	8.7	4	A	3	9.0	8.0	8.3	3	B
32	TVTH1.34	Ngô Thị	Hồng	04.08.1987	Nữ	Thanh Hóa	2	6.5	7.5	7.2	3	B	3	7.0	6.0	6.3	2	C	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	7.5	7.7	3	B
33	TVTH1.35	Phạm Thị	Hương	10.05.1988	Nữ	Thanh Hóa	2	6.0	5.0	5.3	1	D	3	6.5	5.5	5.8	2	C	2	8.5	8.0	8.2	3	B	3	7.5	6.0	6.5	2	C
34	TVTH1.37	Bùi Thị	Hường	23.09.1989	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	5.5	6.0	2	C	3	7.0	5.5	6.0	2	C	2	7.0	7.5	7.4	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B
35	TVTH1.38	Lê Thị	Hường	05.10.1985	Nữ	Thanh Hóa	2	6.5	7.0	6.9	2	C	3	7.0	6.0	6.3	2	C	2	8.0	8.5	8.4	3	B	3	7.5	7.0	7.2	3	B
36	TVTH1.39	Bùi Thị	Huyền	17.06.1986	Nữ	Thanh Hóa	2	6.0	5.5	5.7	2	C	3	6.5	6.0	6.2	2	C	2	7.0	7.5	7.4	3	B	3	8.5	8.0	8.2	3	B
37	TVTH1.40	Đặng Thị Thu	Huyền	16.06.1983	Nữ	Thanh Hóa	2	5.5	6.0	5.9	2	C	3	6.0	6.5	6.4	2	C	2	8.0	8.0	8.0	3	B	3	7.5	7.0	7.2	3	B
38	TVTH1.41	Lê Thị	Huyền	15.03.1982	Nữ	Thanh Hóa	2	6.0	6.5	6.4	2	C	3	6.5	5.5	5.8	2	C	2	7.5	8.0	7.9	3	B	3	8.5	7.5	7.8	3	B
39	TVTH1.42	Nguyễn Thị	Khang	15.03.1986	Nữ	Thanh Hóa	2	8.0	6.5	7.0	3	B	3	8.0	6.0	6.6	2	C	2	8.0	6.5	7.0	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B
40	TVTH1.43	Mai Thị Ngọc	Khánh	02.09.1984	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	7.5	5.5	6.1	2	C	2	8.5	7.0	7.5	3	B	3	7.5	7.0	7.2	3	B
41	TVTH1.44	Nguyễn Thị	Kim	10.10.1981	Nữ	Thanh Hóa	2	6.5	7.5	7.2	3	B	3	7.0	7.0	7.0	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B	3	8.0	8.0	8.0	3	B
42	TVTH1.45	Vi Thị Hương	Lan	01.11.1990	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	5.5	6.0	2	C	3	7.0	5.0	5.6	2	C	2	7.0	7.5	7.4	3	B	3	9.0	5.5	6.6	2	C
43	TVTH1.46	Phạm Thị	Lan	20.07.1987	Nữ	Thanh Hóa	2	7.0	7.0	7.0	3	B	3	7.5	6.0	6.5	2	C	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.5	6.0	6.8	2	C
44	TVTH1.47	Trần Thị	Lan	20.08.1987	Nữ	Thanh Hóa	2	6.5	6.0	6.2	2	C	3	6.5	6.0	6.2	2	C	2	7.5	7.0	7.2	3	B	3	8.0	7.5	7.7	3	B
45	TVTH1.48	Lê Thị	Lan	03.09.1986	Nữ	Thanh Hóa	2	6.5	7.0	6.9	2	C	3	6.5	6.5	6.5	2	C	2	8.0	7.5	7.7	3	B	3	8.0	7.0	7.3	3	B
46	TVTH1.49	Tống Thị	Liên	01.07.1980	Nữ	Thanh Hóa	2	6.5	6.5	6.5	2	C	3	6.5	5.5	5.8	2	C	2	7.5	7.0	7.2	3	B	3	8.5	7.5	7.8	3	B
47	TVTH1.50	Đoàn Thị	Liễu	28.01.1983	Nữ	Thanh Hóa	2	5.5	6.5	6.2	2	C	3	6.0	5.5	5.7	2	C	2	8.0	7.0	7.3	3	B	3	8.0	7.5	7.7	3	B
48	TVTH1.51	Lò Văn	Liệu	20.12.1984	Nam	Thanh Hóa	2	7.0	6.0	6.3	2	C	3	7.0	4.5	5.3	1	D	2	6.0	7.5	7.1	3	B	3	6.0	6.5	6.4	2	C